

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VL  
TỈNH HY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03/12/2021

Về việc “tranh chấp ly hôn và  
nuôi dưỡng con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH HY**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Kháng

2. Bà Nguyễn Thị Thấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Tươi – Thư ký tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 về việc “ly hôn và nuôi dưỡng con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị Ngọc L, sinh năm 1987, có mặt.

**Bị đơn:** Anh Ngô Văn H, sinh năm 1981, có mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Cháu Ngô Thị D, sinh ngày 28/5/2004. Cháu Ngô Thu H, sinh ngày 25/7/2008 và cháu Ngô Mạnh H1, sinh ngày 29/11/2012. Cháu D, cháu H và cháu H1 là con của chị L và anh H. Người giám hộ cho cháu D, cháu H và cháu H1 là chị L và anh H. Cháu D, cháu H và cháu H1 đều có mặt tại phiên tòa.

Cùng có HKTT: Thôn NgQ, thị trấn NQ, huyện VL, tỉnh HY.

**Người làm chứng:** Bà Lê Thị C, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn NgQ, thị trấn NQ, huyện VL, tỉnh HY. Vắng mặt.

Anh Vũ Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn NL, xã HH, huyện GL, tỉnh HD. Vắng mặt.

**NỘI D V U Á N:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2021 và lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị Ngọc L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Chị và anh Ngô Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NQ ngày 20 tháng 5 năm 2005. Vợ chồng chị chung sống cùng nhau, có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc

được khoảng 10 năm đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và có nhiều lần anh H đánh chị, đỉnh điểm là những năm gần đây. Anh H thường ghen tuông mù quáng và dùng những lời nói xúc phạm chị, đánh đập và đe dọa tinh thần và sức khỏe của chị khiến cho cuộc sống của chị căng thẳng, vợ chồng không thể có tiếng nói chung. Trong “quan hệ” vợ chồng cũng không hòa hợp ở chỗ anh H chỉ biết thỏa mãn nhu cầu bản thân mà không quan tâm đến cảm xúc, sức khỏe, tinh thần của vợ, thậm chí anh có thể dùng bạo lực để ép chị thỏa mãn nhu cầu của bản thân mình. Trong việc dạy dỗ con cái anh cũng phó mặc cho vợ mà không quan tâm, chia sẻ. Chị L cho rằng anh H thường dùng những từ ngữ tục tĩu, không có văn hóa với chị và với các con. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và kéo dài nhiều năm trở lại đây. Vào năm 2017 chị L đã từng phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở Hải Dương một thời gian nhưng sau đó gia đình hai bên khuyên nhủ, anh H xin lỗi hứa sẽ thay đổi và một phần chị nghĩ thương các con nên đã về đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên chỉ một thời gian ngắn, sau đó anh H vẫn không hề thay đổi thậm chí ngày một quá đáng hơn khi kiểm soát chị từ điện thoại, sống gia trưởng, áp đặt bắt vợ, con phải theo ý của mình cho nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị không thể tiếp tục chịu đựng anh H cho nên đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh H do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung, chị L xác định vợ chồng chị có ba con chung là cháu Ngô Thị Kim D, sinh ngày 28/5/2004, cháu Ngô Thu H, sinh ngày 25/7/2008 và Ngô Mạnh H1, sinh ngày 29/11/2012. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu D và H còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về công nợ, chị L trình bày: Vợ chồng chị không có công nợ với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, chị L trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức, chị L trình bày, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về công sức.

Về ruộng nông nghiệp: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Ngô Văn H** có lời khai ở quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện thống nhất với lời khai của chị L về việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức và đất ruộng nông nghiệp. Theo anh H vợ chồng anh chung sống hòa thuận cho đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, chị L có quan hệ bất chính ngoài luồng nên anh mới ghen tuông, có chửi, đánh vợ. Anh H không biết được chị L ngoại tình với ai mà chỉ nghi ngờ. Theo anh H mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung. Nếu chị L vẫn quyết định ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con vì chị L không có chỗ ở ổn định

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu D, cháu H và cháu H1 có lời khai thể hiện các cháu là con của chị L, anh H. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì cháu D, cháu H xin được ở với mẹ, cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với bố.

**Tại phiên tòa:**

**Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL như sau:**

**Về tố tụng:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với các đương sự, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn đều đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nội D,** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu H1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L và anh H không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức và đất ruộng nông nghiệp: Không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NQ ngày 20/5/2005, việc đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai anh chị nên xác định quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H chung sống cùng nhau ở gia đình anh H và có thời gian nhiều năm hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau và anh H có những lần đánh vợ. Năm 2016 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L cũng đã bỏ về nhà ngoại ở một thời gian sau đó vợ chồng có quay về chung sống cùng nhau. Nhưng chỉ được một thời gian hòa thuận thì vợ chồng anh chị lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và còn ngày một nghiêm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân chính do anh H ghen tuông, nghi ngờ vợ ngoại tình, không chung thủy nhưng bản thân anh H cũng không có chứng cứ gì để xác định chị L ngoại tình. Mâu thuẫn vợ chồng còn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tôn trọng, thương yêu lẫn nhau. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng vợ chồng không thể cải thiện được. Hiện nay chị L đã ra ngoài thuê nhà ở riêng, vợ chồng

đã sống ly thân một thời gian và chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, không có nguyện vọng đoàn tụ. Về phía anh H có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L ly hôn với anh H.

**[2] Về con chung:** Chị L và anh H có ba con chung là cháu Ngô Thị Kim D, sinh ngày 28/5/2004, cháu Ngô Thị Thu H, sinh ngày 25/7/2008 và cháu Ngô Mạnh H1, sinh ngày 29/12/2012. Anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu còn chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu D và cháu H xin được ở với mẹ còn cháu H1 xin được ở với bố. Chị L và anh H đều là lao động tự do, anh chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập nhưng xét hiện tại anh H đã có nhà ở còn chị L đang phải ở nhà thuê. Do đó sẽ giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và cháu H1 còn chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là phù hợp. Chị L và anh H đều không đề nghị giải quyết đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra để giải quyết.

Chị L và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**[3] Về công nợ và tài sản chung:** Chị L và anh H xác định vợ chồng chỉ không nợ ai và không có tài sản gì chung, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

**[4] Về công sức và ruộng nông nghiệp:** Chị L và anh H không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

**[5] Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 Bộ Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Khoản 1 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ngọc L, xử cho chị L được ly hôn với anh Ngô Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Thị Kim D, sinh ngày 28/5/2004 và cháu Ngô Mạnh H1, sinh ngày 29/12/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Ngô Thị Thu H, sinh ngày 25/7/2008 cho chị L

trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết.

Chị L và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về công nợ; tài sản; công sức và đất ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000777 ngày 10/9/2021, chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện VL;
- UBND tt NQ.
- Chi cục THADS huyện VL;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thom**

